

CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC HOA KỲ - TRUNG QUỐC TRONG ĐỊA CHÍNH TRỊ KỸ THUẬT SỐ: TIẾP CẬN TỪ LÝ THUYẾT TRÒ CHƠI VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

✎ Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Hồng Lam, Phan Mai Anh
Sinh viên ngành Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao
✎ Người hướng dẫn: TS. Cao Minh Công

● **TÓM TẮT:** Cạnh tranh chiến lược giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc trong không gian địa chính trị kỹ thuật số đang tác động sâu rộng tới cấu trúc quyền lực quốc tế và sự phát triển của công nghệ toàn cầu. Trên cơ sở phân tích các chính sách công nghệ của hai cường quốc, bài viết vận dụng lý thuyết trò chơi để làm rõ tính chất tương tác chiến lược thông qua ba mô hình: trò chơi tổng bằng không, tình thế tiến thoái lưỡng nan của người tù và trò chơi phối hợp. Kết quả cho thấy cạnh tranh Mỹ – Trung không chỉ diễn ra ở công nghệ lõi, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo mà còn mở rộng sang hạ tầng số, dữ liệu và tiêu chuẩn công nghệ. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đứng trước cả cơ hội thu hút đầu tư, nâng cấp vị trí trong chuỗi giá trị công nghệ toàn cầu và thách thức về phụ thuộc công nghệ, phân mảnh chuỗi cung ứng và sức ép lựa chọn đối tác. Bài viết đề xuất Việt Nam tập trung nâng cao năng lực công nghệ nội sinh, đa dạng hóa quan hệ hợp tác công nghệ và hoàn thiện thể chế quản trị dữ liệu, qua đó củng cố tự chủ chiến lược và bảo đảm lợi ích quốc gia.

● **Từ khóa:** Cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc; địa chính trị kỹ thuật số; lý thuyết trò chơi; Việt Nam.

● **ABSTRACT:** The strategic competition between the United States and China in digital geopolitics is profoundly reshaping the global distribution of power and the development of technology. Based on an analysis of the technological policies of the two powers, this paper applies game theory to examine their strategic interactions through three models: zero-sum game, prisoner's dilemma, and coordination game. The analysis shows that U.S.-China competition extends beyond core technologies, semiconductors and artificial intelligence to digital infrastructure, data governance and technological standards. For Vietnam, this rivalry creates opportunities to attract investment and upgrade its position in global technology value chains, while also generating risks associated with technological dependence, fragmented supply chains and pressure to choose between competing ecosystems. The paper therefore recommends strengthening endogenous technological capacity, diversifying international technology partnerships, and improving data governance to enhance Vietnam's strategic autonomy and safeguard national interests.

● **Keywords:** U.S.-China competition; digital geopolitics; game theory; Viet Nam.

Ngày nhận bài: 31/07/2026 Ngày bình duyệt: 03/8/2026 Ngày duyệt đăng: 11/8/2026

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đang làm thay đổi cấu trúc quyền lực quốc tế. Nếu địa chính trị truyền thống chủ yếu xoay quanh lãnh thổ, tài nguyên và vị trí địa lý, thì địa chính trị kỹ thuật số ngày càng tập trung vào quyền kiểm soát hạ tầng công nghệ, dữ liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật và các công nghệ nền tảng. Không gian số vì thế trở thành một mặt trận cạnh tranh chiến lược mới, trong đó Hoa Kỳ và Trung Quốc là hai chủ thể nổi bật.

Cạnh tranh giữa Washington và Bắc Kinh diễn ra trên nhiều lĩnh vực, từ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), mạng 5G/6G, điện toán đám mây đến dữ liệu và tiêu chuẩn công nghệ. Trong giai đoạn 2024–2025, các biện pháp thuế quan, kiểm soát xuất khẩu và hạn chế tiếp cận công nghệ của Hoa Kỳ tiếp tục gia tăng sức ép đối với năng lực công nghệ của Trung Quốc. Đáp lại, Trung Quốc tăng cường kiểm soát xuất khẩu một số khoáng sản quan trọng và thúc đẩy mạnh hơn chiến lược tự chủ công nghệ. Những động thái này góp phần đẩy nhanh xu hướng phân tách công nghệ và nguy cơ hình thành các hệ sinh thái số phân tuyến.

Từ góc độ nghiên cứu, khoảng trống đáng chú ý là nhiều công trình trước đây mới tập trung vào cạnh tranh thương mại hoặc từng lĩnh vực công nghệ riêng biệt, trong khi chưa tiếp cận đầy đủ cạnh tranh Mỹ – Trung như một quá trình tương tác chiến lược trong địa chính trị kỹ thuật số. Bên cạnh đó, khái niệm địa chính trị kỹ thuật số vẫn tương đối mới và cần được tiếp tục nghiên cứu trong mối quan hệ với sự dịch chuyển cấu trúc quyền lực toàn cầu.

Lý thuyết trò chơi cung cấp một khung phân tích phù hợp để nghiên cứu vấn đề này, bởi quyết định của mỗi bên luôn phụ thuộc vào hành động và phản ứng dự kiến của bên còn lại. Thông qua lý thuyết trò chơi, có thể nhận diện các điểm cân bằng, động lực cạnh tranh, nguy cơ leo thang cũng như khả năng hình thành những cơ chế hợp tác hạn chế.

Đối với Việt Nam, một nền kinh tế có độ mở cao và đang đẩy mạnh chuyển đổi số, cạnh tranh Mỹ – Trung đặt ra yêu cầu cấp

thiết về định vị chiến lược. Việt Nam cần tận dụng cơ hội từ sự dịch chuyển chuỗi cung ứng công nghệ, đồng thời hạn chế nguy cơ phụ thuộc vào một hệ sinh thái công nghệ duy nhất, bảo đảm an ninh dữ liệu và chủ quyền số.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp, lấy cạnh tranh chiến lược Hoa Kỳ – Trung Quốc trong địa chính trị kỹ thuật số làm trường hợp phân tích. Hai quốc gia được lựa chọn bởi đây là những chủ thể có ảnh hưởng lớn tới quá trình định hình cấu trúc quyền lực số toàn cầu, đồng thời đại diện cho những cách tiếp cận khác nhau về phát triển công nghệ và quản trị không gian số.

Nghiên cứu kết hợp phân tích định tính trên cơ sở các nguồn dữ liệu thứ cấp, gồm văn kiện chiến lược, chính sách công nghệ, tài liệu học thuật và các sự kiện liên quan đến cạnh tranh công nghệ Mỹ – Trung.

Phương pháp so sánh được sử dụng để đối chiếu mục tiêu, công cụ và phương thức triển khai chính sách của hai nước trong các lĩnh vực trọng tâm như hạ tầng số, bán dẫn, AI, tiêu chuẩn công nghệ, quản trị dữ liệu và nền tảng số xuyên biên giới.

Bên cạnh đó, nghiên cứu vận dụng phân tích chính sách và phân tích diễn ngôn nhằm làm rõ cách Hoa Kỳ và Trung Quốc xây dựng và hợp thức hóa các lựa chọn chiến lược thông qua những khái niệm như an ninh quốc gia, kiểm soát công nghệ, giảm thiểu rủi ro, tự chủ công nghệ và phát triển chất lượng cao.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Địa chính trị kỹ thuật số và sự chuyển dịch của quyền lực

Địa chính trị truyền thống nghiên cứu mối quan hệ giữa không gian địa lý và quyền lực nhà nước. Rudolf Kjellén là người chính thức đưa thuật ngữ “geopolitics” vào nghiên cứu chính trị đầu thế kỷ XX, nhấn mạnh vai trò của lãnh thổ, vị trí địa lý, tài nguyên và không gian đối với sức mạnh quốc gia.

Trong khi đó, không gian kỹ thuật số không chỉ là một lĩnh vực công nghệ mà còn

là một cấu trúc đa tầng, bao gồm hạ tầng vật lý, lớp logic và lớp dữ liệu. Hạ tầng vật lý gồm cáp quang biển, vệ tinh, trung tâm dữ liệu và thiết bị mạng; lớp logic bao gồm giao thức Internet, phần mềm, hệ điều hành và thuật toán; lớp dữ liệu là nơi dữ liệu được tạo lập, lưu trữ và trao đổi.

Sự kết hợp giữa địa chính trị và không gian số tạo nên khái niệm “địa chính trị kỹ thuật số”, phản ánh sự chuyển dịch của cạnh tranh quyền lực từ kiểm soát lãnh thổ sang chi phối hạ tầng công nghệ lõi, dữ liệu, tiêu chuẩn và các dòng chảy số xuyên biên giới.

Trong nền kinh tế số, dữ liệu trở thành tài sản chiến lược. Vì vậy, năng lực quản trị dữ liệu, làm chủ công nghệ và bảo đảm an ninh hạ tầng số ngày càng gắn chặt với chủ quyền và sức mạnh quốc gia. Nhiều quốc gia, trong đó có EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và Australia, đã thúc đẩy các chính sách nhằm giảm phụ thuộc vào các chuỗi cung ứng công nghệ bên ngoài.

Trong bối cảnh đó, cạnh tranh Mỹ – Trung nổi lên như một trục cạnh tranh trung tâm, không chỉ nhằm giành ưu thế về công nghệ mà còn hướng tới việc định hình luật chơi, tiêu chuẩn và cấu trúc quyền lực của trật tự số tương lai.

3.2. Lợi thế chiến lược của Hoa Kỳ

Lợi thế của Hoa Kỳ trong cạnh tranh địa chính trị kỹ thuật số được hình thành từ sự kết hợp giữa nền tảng công nghệ, hạ tầng số, nguồn nhân lực và hệ thống chính sách kiểm soát công nghệ.

Trước hết, Hoa Kỳ duy trì vị trí nổi bật trong thiết kế chip, sở hữu trí tuệ và các công nghệ bán dẫn. Các doanh nghiệp Mỹ chiếm tỷ trọng lớn trong thị trường bán dẫn, trong khi Nvidia giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong thị trường chip AI. Lợi thế này tạo ra sức ảnh hưởng đáng kể đối với hệ sinh thái công nghệ toàn cầu.

Hoa Kỳ đồng thời có lợi thế lớn về nguồn nhân lực. Tỷ lệ cao các kỹ sư và nhà khoa học sinh ra ở nước ngoài đang làm việc tại Mỹ góp phần bổ sung nguồn lực cho hệ sinh thái nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát triển công nghệ.

Thứ hai, các doanh nghiệp Mỹ giữ vị trí nổi bật trong điện toán đám mây và trung tâm dữ liệu. Amazon, Microsoft và Google chiếm tỷ trọng lớn trong công suất trung tâm dữ liệu siêu quy mô và thị trường điện toán đám mây toàn cầu. Điều này tạo cho Mỹ lợi thế không chỉ về thương mại mà còn về khả năng định hình dòng chảy dữ liệu và các dịch vụ số.

Thứ ba, Mỹ có lợi thế đáng kể về hạ tầng truyền tải thông tin, gồm cáp quang biển và vệ tinh quỹ đạo thấp. Việc các doanh nghiệp Mỹ tham gia sâu vào hệ thống cáp quang biển và sự phát triển nhanh của các chòm vệ tinh LEO giúp Washington duy trì ảnh hưởng đáng kể đối với hạ tầng kết nối toàn cầu.

Những lợi thế về hạ tầng tạo cơ sở để Hoa Kỳ sử dụng các công cụ chính sách nhằm kiểm soát những “điểm nghẽn” của chuỗi cung ứng công nghệ.

Một công cụ quan trọng là Quy tắc Sản phẩm Trực tiếp Nước ngoài (FDPR) và các biện pháp kiểm soát xuất khẩu. Các quy định này cho phép Mỹ mở rộng phạm vi kiểm soát đối với những sản phẩm được sản xuất ở nước ngoài nhưng có liên quan tới công nghệ hoặc phần mềm có nguồn gốc từ Mỹ.

Bên cạnh đó, Hoa Kỳ triển khai các quy định nhằm hạn chế khả năng tiếp cận chip AI tiên tiến và năng lực tính toán thông qua điện toán đám mây. Cách tiếp cận này cho thấy cạnh tranh công nghệ không còn chỉ là vấn đề thương mại mà đã trở thành một bộ phận của chiến lược an ninh và quyền lực quốc gia.

Như vậy, lợi thế của Mỹ không chỉ nằm ở năng lực công nghệ mà còn ở khả năng kết hợp hạ tầng, doanh nghiệp và công cụ chính sách để duy trì ảnh hưởng đối với những nút thắt quan trọng của hệ sinh thái công nghệ toàn cầu.

3.3. Sự vươn lên của Trung Quốc

Trong hơn một thập niên qua, Trung Quốc chuyển từ vị thế chủ yếu tiếp nhận công nghệ sang quốc gia có khả năng phát

triển và triển khai nhiều công nghệ tiên tiến. Sự vươn lên này được hỗ trợ bởi chính sách công nghiệp dài hạn, nguồn lực nhà nước, năng lực đổi mới của doanh nghiệp và chiến lược mở rộng hạ tầng số ra quốc tế.

3.3.1. Tự chủ công nghệ và Made in China 2025

Made in China 2025 được Trung Quốc công bố năm 2015, hướng tới chuyển đổi từ mô hình “công xưởng thế giới” sang nền kinh tế dựa nhiều hơn vào công nghệ cao và đổi mới sáng tạo.

Chiến lược tập trung vào giảm phụ thuộc vào công nghệ nước ngoài, nâng tỷ lệ nội địa hóa linh kiện và công nghệ cốt lõi, đồng thời hình thành các doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh quốc tế.

Các lĩnh vực được ưu tiên gồm công nghệ thông tin thế hệ mới, thiết bị viễn thông, bán dẫn, AI, robot công nghiệp và sản xuất thông minh. Thông qua hỗ trợ tài chính, các quỹ đầu tư chiến lược, trung tâm đổi mới và chính sách thúc đẩy R&D, Trung Quốc từng bước xây dựng các doanh nghiệp công nghệ có khả năng cạnh tranh toàn cầu.

3.3.2. Con đường tơ lụa kỹ thuật số

Nếu Made in China 2025 tập trung củng cố năng lực công nghệ trong nước, thì Con đường tơ lụa kỹ thuật số (DSR) mở rộng ảnh hưởng công nghệ của Trung Quốc ra bên ngoài.

DSR được triển khai từ năm 2015 như một hợp phần của Sáng kiến Vành đai và Con đường, tập trung vào cáp quang biển, 5G, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, thành phố thông minh và các hệ thống số.

Các doanh nghiệp như Huawei, ZTE, Alibaba Cloud và China Mobile tham gia nhiều dự án hạ tầng số tại châu Phi, Mỹ Latinh, Trung Đông và Đông Nam Á. Việc cung cấp công nghệ với chi phí cạnh tranh giúp Trung Quốc mở rộng nhanh sự hiện diện trong các thị trường mới nổi, đồng thời tạo điều kiện để các tiêu chuẩn kỹ thuật do doanh nghiệp Trung Quốc phát triển được phổ biến rộng hơn.

DSR vì vậy không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn là công cụ gia tăng ảnh hưởng địa chính trị thông qua hạ tầng, tiêu chuẩn và hệ sinh thái số.

3.3.3. Huawei và năng lực đổi mới công nghệ

Huawei là một trường hợp tiêu biểu cho năng lực công nghệ của Trung Quốc. Dù chịu nhiều biện pháp trừng phạt và kiểm soát xuất khẩu của Hoa Kỳ, doanh nghiệp này vẫn duy trì đầu tư lớn cho R&D.

Trong lĩnh vực 5G, Huawei có đóng góp đáng kể vào quá trình xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế. Điều này cho thấy Trung Quốc không chỉ mở rộng quy mô triển khai công nghệ mà còn ngày càng tham gia sâu vào quá trình định hình các tiêu chuẩn công nghệ toàn cầu.

4. Thảo luận: Cạnh tranh Mỹ - Trung dưới góc nhìn lý thuyết trò chơi

4.1. Lý thuyết trò chơi và giá trị phân tích

Lý thuyết trò chơi nghiên cứu những tình huống trong đó kết quả của một chủ thể phụ thuộc không chỉ vào lựa chọn của chính mình mà còn vào lựa chọn của các chủ thể khác. Khái niệm cân bằng Nash cho phép phân tích những trạng thái mà mỗi bên đều lựa chọn chiến lược tối ưu dựa trên hành động của bên còn lại.

Trong quan hệ quốc tế, lý thuyết trò chơi được sử dụng để nghiên cứu cạnh tranh và hợp tác giữa các quốc gia, từ chạy đua vũ trang, răn đe hạt nhân đến chiến tranh thương mại, đàm phán và an ninh chuỗi cung ứng.

Đối với cạnh tranh Mỹ – Trung trong địa chính trị kỹ thuật số, cách tiếp cận này đặc biệt hữu ích vì quyết định của Washington luôn tác động tới lựa chọn của Bắc Kinh và ngược lại. Mỗi biện pháp kiểm soát công nghệ đều có thể tạo ra phản ứng tương ứng, hình thành một chuỗi tương tác chiến lược liên tục.

4.2. Ba mô hình tương tác chiến lược

Thứ nhất, trò chơi tổng bằng không.

Trong mô hình này, lợi ích của một bên tương ứng với thiệt hại của bên kia. Cạnh tranh quyền kiểm soát những công nghệ hoặc “điểm nghẽn” chiến lược có thể được nhìn nhận dưới góc độ này.

Việc Hoa Kỳ kiểm soát xuất khẩu chip AI và công nghệ bán dẫn tiên tiến cho Trung Quốc là một ví dụ. Washington chấp nhận những tổn thất kinh tế nhất định để hạn chế khả năng tiếp cận công nghệ của đối thủ. Ngược lại, Trung Quốc thúc đẩy tự chủ công nghệ và phát triển các chuỗi cung ứng thay thế.

Điểm đáng chú ý là trong mô hình này, lợi ích kinh tế trước mắt có thể bị hy sinh để đổi lấy lợi ích an ninh và vị thế chiến lược dài hạn.

Thứ hai, tình thế tiến thoái lưỡng nan của người tù.

Đây là mô hình phản ánh rõ vấn đề thiếu lòng tin. Nếu cùng hợp tác, hai bên có thể đạt lợi ích cao hơn; nhưng do lo ngại đối phương lợi dụng sự hợp tác, mỗi bên đều có động cơ áp dụng biện pháp phòng thủ hoặc “phản bội”.

Trong cạnh tranh Mỹ – Trung, quản trị dữ liệu và chuỗi cung ứng công nghệ thể hiện khá rõ tình trạng này. Cả hai bên đều có lợi nếu duy trì một hệ sinh thái số mở và các chuỗi cung ứng thông suốt. Tuy nhiên, lo ngại về an ninh và phụ thuộc công nghệ khiến mỗi bên lựa chọn giảm phụ thuộc vào bên kia.

Kết quả có thể là một trạng thái cân bằng Nash, trong đó không bên nào muốn đơn phương thay đổi chiến lược dù kết quả tổng thể không tối ưu. Một hệ quả của quá trình này là nguy cơ hình thành “Splinternet” – một Internet bị phân mảnh thành các hệ sinh thái công nghệ khác nhau.

Thứ ba, trò chơi phối hợp.

Không phải mọi lĩnh vực cạnh tranh đều dẫn tới đối đầu. Trong một số lĩnh vực, đặc biệt là tiêu chuẩn viễn thông, lợi ích của hai bên phụ thuộc vào khả năng duy trì khả năng tương thích của hệ thống.

Cả Mỹ và Trung Quốc đều có lợi ích trong việc duy trì một mạng lưới toàn cầu có

khả năng kết nối. Vấn đề nằm ở chỗ mỗi bên đều muốn các tiêu chuẩn đó phản ánh lợi ích và lợi thế công nghệ của mình.

Trung Quốc thúc đẩy ảnh hưởng thông qua DSR, Huawei và ZTE; trong khi Mỹ cùng các đồng minh thúc đẩy những mô hình như Open RAN và sử dụng các chương trình đầu tư công nghệ để giảm sự phụ thuộc vào thiết bị Trung Quốc.

Điều này cho thấy cạnh tranh Mỹ – Trung không phải một trò chơi duy nhất mà là sự đan xen của nhiều trò chơi với các cấu trúc lợi ích khác nhau. Có lĩnh vực mang tính tổng bằng không, có lĩnh vực rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan và cũng có những lĩnh vực vẫn tồn tại nhu cầu phối hợp.

5. Hàm ý chính sách đối với Việt Nam

5.1. Vị thế của Việt Nam

Việt Nam đang có vị trí ngày càng đáng chú ý trong không gian địa chính trị kỹ thuật số khu vực. Vị thế này được hình thành bởi vị trí trong chuỗi cung ứng công nghệ, khả năng duy trì quan hệ với nhiều trung tâm quyền lực và tốc độ phát triển của nền kinh tế số.

Quá trình tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu và cạnh tranh công nghệ Mỹ – Trung đang thúc đẩy một phân hoạt động sản xuất điện tử và công nghệ dịch chuyển sang Đông Nam Á. Việt Nam có lợi thế về ổn định chính trị, mạng lưới các hiệp định thương mại tự do và khả năng kết nối với các thị trường lớn.

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn hạn chế về công nghệ lõi, năng lực R&D, nguồn nhân lực số và khả năng khai thác dữ liệu. Nền kinh tế còn phụ thuộc đáng kể vào công nghệ, thiết bị và nền tảng của doanh nghiệp nước ngoài.

Vì vậy, Việt Nam hiện giữ vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng công nghệ nhưng chưa phải là chủ thể có khả năng định hình các chuẩn mực công nghệ quốc tế.

5.2. Cơ hội và thách thức

Cạnh tranh Mỹ – Trung tạo ra cơ hội để

Việt Nam thu hút đầu tư vào bán dẫn, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, AI và các lĩnh vực công nghệ cao. Sự dịch chuyển chuỗi cung ứng có thể giúp Việt Nam nâng cấp vị trí trong chuỗi giá trị nếu đồng thời cải thiện nguồn nhân lực, công nghiệp hỗ trợ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Tuy nhiên, sự phân mảnh công nghệ cũng làm gia tăng rủi ro. Kiểm soát xuất khẩu, sự hình thành các hệ sinh thái công nghệ cạnh tranh và khác biệt về tiêu chuẩn có thể làm tăng chi phí tuân thủ, hạn chế khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến và tạo sức ép trong lựa chọn đối tác.

Một thách thức khác là nguy cơ phụ thuộc quá lớn vào doanh nghiệp FDI. Nếu năng lực doanh nghiệp trong nước và R&D không được nâng cao, Việt Nam có thể tiếp tục đảm nhận những công đoạn có giá trị gia tăng thấp trong chuỗi sản xuất công nghệ.

5.3. Một số hàm ý chính sách

Thứ nhất, nâng cao năng lực công nghệ nội sinh.

Việt Nam cần ưu tiên đầu tư dài hạn cho R&D, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao. Tự chủ công nghệ không nên được hiểu là tự sản xuất toàn bộ công nghệ, mà là khả năng làm chủ những công nghệ có ý nghĩa chiến lược, đồng thời giảm phụ thuộc quá mức vào một nguồn cung duy nhất.

Thứ hai, đa dạng hóa hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ.

Trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ – Trung kéo dài, Việt Nam cần duy trì và mở rộng hợp tác với nhiều trung tâm công nghệ, qua đó tiếp cận đa dạng nguồn vốn, tri thức và công nghệ. Đây cũng là cơ sở để giảm rủi ro từ phân cực công nghệ và duy trì tự chủ chiến lược.

Thứ ba, hoàn thiện thể chế quản trị dữ liệu và kinh tế số.

Việt Nam cần xây dựng khuôn khổ quản trị dữ liệu theo hướng bảo đảm an ninh quốc gia nhưng đồng thời tạo không gian cho đổi mới sáng tạo, cạnh tranh và phát triển doanh

nh nghiệp. Dữ liệu cần được nhìn nhận vừa là tài sản kinh tế, vừa là nguồn lực chiến lược gắn với chủ quyền số.

Thứ tư, nâng cao năng lực tham gia xây dựng tiêu chuẩn công nghệ.

Không chỉ tiếp nhận công nghệ, Việt Nam cần từng bước nâng cao năng lực nghiên cứu, tiêu chuẩn hóa và tham gia các tổ chức xây dựng tiêu chuẩn quốc tế. Đây là một trong những cách thức quan trọng để chuyển từ vị thế “người sử dụng” sang vị thế có khả năng tham gia định hình luật chơi.

Những định hướng này phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó nhấn mạnh phát triển công nghệ chiến lược, hạ tầng số, nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao năng lực tự chủ công nghệ.

6. Kết luận

Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung trong địa chính trị kỹ thuật số đang làm thay đổi cách thức phân bổ quyền lực trong hệ thống quốc tế. Quyền lực không còn chỉ được quyết định bởi lãnh thổ, tài nguyên hay sức mạnh quân sự mà ngày càng phụ thuộc vào khả năng kiểm soát hạ tầng số, công nghệ lõi, dữ liệu và tiêu chuẩn.

Tiếp cận từ lý thuyết trò chơi cho thấy cạnh tranh giữa hai cường quốc không phải một quá trình đơn tuyến. Các lĩnh vực khác nhau có thể tạo ra những cấu trúc tương tác khác nhau: cạnh tranh tổng bằng không trong một số công nghệ chiến lược; tình thế tiến thoái lưỡng nan trong quản trị dữ liệu và chuỗi cung ứng; và trò chơi phối hợp trong những lĩnh vực đòi hỏi khả năng tương thích và tiêu chuẩn chung.

Đối với Việt Nam, sự cạnh tranh này vừa tạo ra cơ hội nâng cấp vị trí trong chuỗi cung ứng công nghệ toàn cầu, vừa đặt ra những rủi ro về phụ thuộc công nghệ, phân mảnh tiêu chuẩn và sức ép lựa chọn hệ sinh thái.

Trong bối cảnh đó, lựa chọn phù hợp không phải là đứng ngoài cạnh tranh mà là nâng cao năng lực tự chủ, đa dạng hóa đối

tác và tăng khả năng thích ứng. Việt Nam cần chủ động xác định những công nghệ chiến lược cần làm chủ, phát triển nguồn nhân lực và năng lực R&D, củng cố doanh nghiệp công nghệ trong nước, hoàn thiện quản trị dữ liệu và tăng cường tham gia vào quá trình xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tiếng Việt

1. Báo Đầu tư. (2025). *Huawei Digital Power thúc đẩy chuyển đổi năng lượng toàn cầu và xây dựng hệ thống điện mới.*

2. Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*

3. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam. (2025). *Tăng cường R&D và chiến lược song hành của Huawei.*

Tiếng Anh

1. Bajwa, A. (2025). *Nvidia earnings to reveal hit from US export curbs on China.* Reuters.

2. Clifford Chance. (2025). *Framework for artificial intelligence diffusion: A step forward for US security and economic strength in the age of AI.*

3. European Commission. (2026). *Strengthening Europe's tech sovereignty.*

4. Fajgelbaum, P., & Khandelwal, A. (2026). *Tariffs in 2025: Short-run impacts on the U.S. economy.* Brookings Institution.

5. Google, Temasek, Bain & Company. (2025). *e-Economy SEA 2025: From digital decade to AI reality: Accelerating the future in ASEAN.*

6. GSMA. (2025). *China's digital policy leadership: Powering progress at home and on the global stage.*

7. Hagan, C. B. (1942). *Geopolitics.* The Journal of Politics, 4(4), 478–490.

8. Hart, M., & Link, J. (2020). *There is a solution to the Huawei challenge.* Center for American Progress.

9. He, A. (2021). *The digital Silk Road in the context of China–US competition.* CIGI.

10. Huskaj, G. (2023). *Digital geopolitics: A review of the current state.* Proceedings of the 18th International Conference on Cyber Warfare and Security, 18(1), 152–161.

11. Institute for Security & Development Policy. (2018). *Made in China 2025.*

12. Joint Chiefs of Staff. (2018). *Joint Publication 3-12: Cyberspace operations.*

13. Kjellén, R. (1916). *Staten som livsform.* Hugo Gebers.

14. Leswing, K. (2024). *Nvidia dominates the AI chip*

Nói cách khác, trước sự phân mảnh ngày càng rõ của không gian công nghệ toàn cầu, lợi thế của Việt Nam không nằm ở việc lựa chọn một bên, mà ở khả năng giữ vững tự chủ chiến lược, tận dụng được lợi ích từ nhiều hệ sinh thái công nghệ và từng bước nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị số toàn cầu./.

market, but there's more competition than ever. CNBC.

15. Lu, C., & Gu, C. (2025). *Digital geopolitics and U.S.-China competition.* Insight Turkey, 27(2), 43–56.

16. Madani, D. H., & Morisset, J. (2021). *Taking stock: Digital Vietnam – The path to tomorrow.* World Bank Group.

17. OECD. (2025). *OECD Economic Surveys: Viet Nam 2025.* OECD Publishing.

18. OECD. (2026). *FDI qualities review of Viet Nam: Powering the next growth phase.* OECD Publishing.

19. Osborne, M. J. (2004). *An Introduction to Game Theory.* Oxford University Press.

20. Rajic, T., Williams, L., & Pearl, M. (2026). *Maintaining the space edge: Strategic reforms for U.S. dominance in low Earth orbit.* CSIS.

21. Semiconductor Industry Association. (2022). *2022 Factbook.*

22. Synergy Research Group. (2025–2026). *Các báo cáo về thị trường điện toán đám mây và trung tâm dữ liệu.*

23. United Nations Conference on Trade and Development. (2021). *Digital Economy Report 2021: Cross-border data flows and development.*

24. United Nations Department of Economic and Social Affairs. (2024). *United Nations E-Government Survey 2024.*

25. Villaseñor, J. (2024–2025). *Các nghiên cứu về kiểm soát xuất khẩu chip AI của Hoa Kỳ.* Brookings Institution.

26. Wachtmeister, H. (2025). *China's mineral export restrictions: Market impacts and implications.* Swedish Institute of International Affairs.

27. Wang, C.-N., Nhieu, N.-L., Chiang, C.-T., & Wang, Y.-H. (2024). *Assessing Southeast Asia countries' potential in the semiconductor supply chain.* Humanities and Social Sciences Communications, 11.

28. World Bank. (2024). *Viet Nam 2045: Trading up in a changing world – Pathways to a high-income future.*

29. World Economic Forum. (2026). *Deepening divides: The cost of a more fragmented financial system.*

30. Yoon, J. (2024). *Innovation lightbulb: Foreign-born share of the U.S. STEM workforce.* CSIS.